

Elijah - Số Mười

Jeff Pippenger

2023-10-13

1856

Phong trào Millerite được thể hiện trong sách Ê-sai chương bảy bằng một lời tiên tri kéo dài sáu mươi lăm năm, bắt đầu vào năm 742 TCN. Sáu mươi lăm năm ấy trong thời kỳ của Ê-sai tượng trưng cho sáu mươi lăm năm từ 1798 đến 1863. Alpha và Ômêga sẽ luôn khắc họa sự kết thúc cùng với sự khởi đầu. Lời tiên tri sáu mươi lăm năm xác định lời nguyện bảy lần giáng trên cả vương quốc miền bắc và miền nam của Y-sơ-ra-ên. Đợt bảy lần đầu tiên chống lại vương quốc miền bắc bắt đầu vào năm 723 TCN, mười chín năm sau khi Ê-sai trình bày lời tiên tri với vua A-cha. Đợt bảy lần cuối cùng chống lại vương quốc miền nam bắt đầu vào cuối giai đoạn sáu mươi lăm năm, vào năm 677 TCN.

Lời rửa sả “bảy lần” thứ nhất chống lại Êp-ra-im kết thúc vào năm 1798, là “thời kỳ cuối cùng” khi khái tượng về sông U-lai trong các đoạn 8 và 9 của sách Đa-ni-ên được mở ấn. Sự kiện ấy, về mặt tiên tri, đánh dấu cả sự xuất hiện của sứ điệp thiên sứ thứ nhất lẫn sự khởi đầu mang tính tiên tri của phong trào Miller. Lời rửa sả “bảy lần” sau cùng chống lại Giu-đa kết thúc vào năm 1844, là lúc sứ điệp thiên sứ thứ ba xuất hiện. Mười chín năm sau, vào năm 1863, “sáu mươi lăm năm” được nêu ở phần mở đầu của lời tiên đoán đã đánh dấu sự kết thúc của phong trào Miller và sự khởi đầu của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm thời Lao-đi-xê. Bảy năm trước 1863, tức năm 1856, James White bắt đầu xác định rằng phong trào Miller đã thôi không còn là Hội thánh Phi-la-đen-phi nữa mà đã trở thành Hội thánh Lao-đi-xê. Cháu trai của ông, khi viết tiểu sử Ellen White, đã viết về lịch sử năm 1856 và sứ điệp Lao-đi-xê.

Sứ điệp Lao-đi-xê

Những tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm giữ ngày Sa-bát đã giữ quan điểm rằng các sứ điệp gửi cho bảy hội thánh trong Khải Huyền 2 và 3 khắc họa kinh nghiệm của Hội Thánh Cơ Đốc qua các thế kỷ. Họ kết luận rằng sứ điệp gửi cho hội thánh La-ô-đi-xê áp dụng cho những người mà nay họ gọi là Cơ Đốc Phục Lâm chỉ trên danh nghĩa, tức những người chưa chấp nhận ngày Sa-bát thứ bảy. Trong một bài xã luận ngắn trên tờ Review ra ngày 9 tháng Mười, James White đã nêu lên một số câu hỏi gợi suy nghĩ, mở đầu bằng lời:

Câu hỏi lại bắt đầu được nêu lên: “Người canh gác ơi, đêm thì sao?” Hiện tại chỉ có chỗ cho vài câu hỏi, được nêu ra nhằm thu hút sự chú ý đến chủ đề mà chúng liên quan. Chúng tôi tin rằng một câu trả lời đầy đủ sẽ sớm được đưa ra. -Review and Herald, ngày 9 tháng 10, 1856.

Trong số mười một câu hỏi ông ấy nêu ra, chính câu thứ sáu nhắm thẳng vào những người Laodicea.

6. Há chẳng phải tình trạng của người Laodixê (ấm ấm, chẳng lạnh cũng chẳng nóng) rất thích hợp để minh họa tình trạng của tập thể những người tuyên xưng sứ điệp của thiên sứ thứ ba sao?—Sđd.

Câu hỏi cuối cùng đặt vấn đề ra:

11. Nếu đó là tình trạng của chúng ta với tư cách là một dân sự, liệu chúng ta có căn cứ thực sự nào để hy vọng được ơn của Đức Chúa Trời, trừ phi chúng ta lắng nghe 'lời khuyên' của Chứng Nhân Chân Thật chẳng? Ta khuyên người hãy mua nơi Ta vàng đã được thử luyện trong lửa, hầu cho người được giàu có; và áo trắng để người mặc vào, để sự hổ thẹn vì sự trần truồng của người khỏi lộ ra; và hãy xúc mắt người bằng thuốc xúc mắt, để người có thể thấy. Phàm ai Ta yêu, Ta quở trách và sửa phạt; vậy hãy sốt sắng, và ăn năn. Nay, Ta đứng ngoài cửa và gõ; nếu ai nghe tiếng Ta và mở cửa, Ta sẽ vào cùng người ấy, sẽ dùng bữa với người, và người với Ta. Kẻ nào thối, Ta sẽ cho ngồi với Ta trên ngai của Ta, cũng như Ta đã thối và ngồi với Cha Ta trên ngai của Ngài. Khải Huyền 3:18-21. - Sđd.

Rõ ràng sự thật của vấn đề chỉ vừa bắt đầu hé mở trong tâm trí của James White. Số tiếp theo của tờ Review đăng một bài viết dài trên bảy cột về bảy hội thánh, dưới nhan đề ấy. Trong lời mở đầu, ông tuyên bố:

Chúng ta phải đồng ý với một số nhà chú giải hiện đại rằng bảy hội thánh này nên được hiểu là đại diện cho bảy tình trạng của Hội Thánh Cơ Đốc, trong bảy thời kỳ, bao trùm toàn bộ thời đại Cơ Đốc giáo. -Ibid., 16 tháng 10, 1856.

Sau đó ông trình bày lời tiên tri, đề cập riêng từng hội thánh. Khi đến hội thánh thứ bảy, Laodicea, ông tuyên bố:

Bức mô tả đáng buồn về hội thánh này khiến chúng ta, với tư cách là một dân sự, phải hạ mình biết bao. Và há chẳng phải bức mô tả khủng khiếp ấy là bức tranh chính xác nhất về tình trạng hiện nay của chúng ta sao? Đúng vậy; và sẽ vô ích nếu cố gắng né tránh sức nặng của lời chứng thấu suốt này đối với Hội thánh Laodicea. Nguyên Chúa giúp chúng ta tiếp nhận điều ấy, và được ích lợi nhờ đó. -Ibid.

Sau khi ông dành hai cột báo cho Hội thánh Lao-đi-xê, ông kết lại bằng một lời kêu gọi mạnh mẽ:

Hỡi anh em thân mến, chúng ta phải chiến thắng thế gian, xác thịt và ma quỷ, nếu không chúng ta sẽ không có phần trong Nước Đức Chúa Trời. ... Hãy bắt tay vào công việc này ngay, và bởi đức tin, nhận lấy những lời hứa đầy ân điển dành cho những người La-ô-đi-xê ăn năn. Hãy trở dậy nhân danh Chúa, và hãy để ánh sáng của anh em chiếu rọi để tôn vinh danh đáng chúc tụng của Ngài. -Ibid.

Phản hồi từ thực địa thật gây chấn động. G. W. Holt từ Ohio đã viết vào ngày 20 tháng 10:

Vâng, tôi tin rằng chính chúng ta—những người ở trong sứ điệp thứ ba với các điều răn của Đức Chúa Trời và đức tin của Đức Chúa Giê-su—là hội thánh mà những lời này được nhắm đến; và chúng ta không bao giờ là quá sớm để xin lấy vàng đã được thử luyện, áo trắng và thuốc xúc mắt, để chúng ta có thể thấy. - Ibid., 6 tháng 11, 1856.

Từ vùng Đông Bắc, một tiếng nói mới đã vang lên về vấn đề này: đó là Stephen N. Haskell, ở Princeton, Massachusetts. Là một tín hữu Phục Lâm ngày thứ nhất, ông đã bắt đầu giảng đạo khi 20 tuổi; nay, ba năm sau, ông đã theo sứ điệp của thiên sứ thứ ba. Là một người nghiên cứu

Kinh Thánh kỹ lưỡng, sau khi đọc bài xã luận ngắn mở đầu của White giới thiệu vấn đề về bảy hội thánh, ông đã chọn viết một bài viết dài cho Review:

Chủ đề được nhắc đến đã là mối quan tâm sâu sắc đối với tôi trong vài tháng qua. . . . Trong một thời gian, tôi đã được dẫn dắt để tin rằng sứ điệp gửi cho người Laodicea thuộc về chúng ta; tức là, những người tin vào sứ điệp của thiên sứ thứ ba, vì nhiều lý do mà tôi cho là xác đáng. Tôi sẽ nêu hai lý do.-Ibid.

Ông làm như vậy, dành hai cột cho phần kết luận của mình. Khi kết thúc, ông tuyên bố:

Lý thuyết về sứ điệp của thiên sứ thứ ba chẳng bao giờ, không, chẳng bao giờ, cứu được chúng ta, nếu không có áo cưới, tức là sự công bình của các thánh đồ. Chúng ta phải hoàn thiện sự thánh khiết trong sự kính sợ Đức Chúa Trời.-Nhu trên.

Khi James White tiếp tục các bài xã luận của mình về sứ điệp gửi cho Hội thánh La-ô-đi-xê, những khái niệm mà các tín hữu Cơ Đốc Phục Lâm giữ ngày Sa-bát lúc bảy giờ đang đọc trên tờ Review khiến họ sửng sốt, nhưng khi suy xét thận trọng và cầu nguyện, họ thấy những điều ấy là thích hợp. Những thư gửi tòa soạn cho thấy sự đồng thuận khá rộng rãi và cho biết rằng một cuộc phục hưng đang diễn ra. Việc sứ điệp đầy lay động ấy không phải là sản phẩm của sự phản kích nhất thời được chứng thực bởi bài viết đầu tiên trong Lời Chứng số 3, xuất bản vào tháng 4 năm 1857, mang tựa đề “Hãy Sốt Sắng và Ăn Năn.” Bài viết mở đầu: “Chúa đã chỉ cho tôi trong khái tượng một vài điều liên quan đến Hội thánh trong tình trạng hăm hảm hiện nay, và tôi sẽ thuật lại cho anh em.” – 1T, tr. 141. Trong đó, Ellen White trình bày những gì đã được chỉ cho bà thấy về các cuộc tấn công của Sa-tan vào Hội thánh thông qua sự thịnh vượng và của cải trần thế. Arthur White, Ellen G. White: The Early Years, tập 1, tr. 342–344.

Phong trào Millerite khởi đầu, về mặt tiên tri, như Hội thánh Philadelphia, và đến năm 1856 nó trở thành Hội thánh Laodicea. Bảy năm sau, phong trào chấm dứt, và Hội thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy bắt đầu như Hội thánh Laodicea và sẽ vẫn như vậy, cho đến khi bị mưa ra khỏi miệng của Chúa. Phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn người đã ra từ giữa Hội thánh Laodicea, cũng như phong trào Millerite đã ra từ giữa Hội thánh Sardis. Phong trào của một trăm bốn mươi bốn nghìn người tương ứng với phong trào Millerite ở chỗ: phong trào thứ nhất chuyển từ Philadelphia sang Laodicea, còn phong trào sau cùng chuyển từ Laodicea sang Philadelphia. Mốc chuyển tiếp từ Philadelphia sang Laodicea trong lịch sử Millerite được chỉ định rõ là năm 1856; vậy mốc chuyển tiếp cũng phải được đánh dấu trong phong trào sau cùng, vì Đức Chúa Trời chẳng hề thay đổi. Mốc chuyển tiếp ấy được xác định trong Khải Huyền 11 với hai tiên tri bị giết trên đường phố.

Và khi họ đã kết thúc lời chứng của mình, con thú đi lên từ vực sâu không đáy sẽ giao chiến với họ, sẽ thắng họ và giết họ. Xác chết của họ sẽ nằm trên đường phố của thành lớn, thành mà theo nghĩa thuộc linh được gọi là Sô-đôm và Ai Cập, nơi Chúa chúng ta cũng đã bị đóng đinh. Khải Huyền 11:7, 8.

Phong trào sau cùng sẽ chết, rồi đứng dậy, và sau đó được phục sinh làm tiêu kỳ. Làm như vậy, nó sẽ liên kết với sừng Cộng hòa. Sừng Cộng hòa lập nên một hình tượng cho con thú, và con thú mà nó lập hình tượng cho được đề cập trong sách Khải Huyền đoạn mười bảy, và con thú ấy được xác

định là cái đầu thứ năm đã nhận một vết thương chí tử, sẽ được phục sinh như cái đầu thứ tám. Nó sẽ được phục sinh thành đầu thứ tám, vốn thuộc về bảy.

Và con thú đã có, mà hiện không có, chính nó là con thú tám, và là một trong bảy, và đi vào chốn hư mất. Khải Huyền 17:11.

Sùng Cộng hòa sẽ dựng nên một ảnh tượng của con thú ấy, và vì thế nó sẽ bị giết rồi được sống lại. Khi nó được sống lại, nó sẽ là đầu thứ tám, vốn thuộc về bảy đầu trước đó. Sùng Tin Lành cười trên cùng con thú từ đất như sùng Cộng hòa và sẽ cần phải có cùng những đặc điểm tiên tri. Sự chuyển tiếp từ Philadelphia sang Laodicea trong phong trào Millerite tiền trung cho sự chuyển tiếp từ Laodicea sang Philadelphia trong phong trào cuối cùng.

Khi phong trào cuối cùng nhận một vết thương chí tử vào ngày 18 tháng 7 năm 2020, nó đã chết như Laodicea. Khi, như được trình bày trong Khải Huyền chương 11, nó chuyển sang Philadelphia, thì nó sẽ đại diện cho hội thánh thứ tám, và là một trong bảy. Cái chết vào năm 2020 được song hành với sùng Cộng hòa, vì kể từ thời kỳ cuối cùng vào năm 1989 đã có sáu tổng thống. Vị tổng thống thứ sáu đã nhận một vết thương chí tử, vết thương ấy sẽ được chữa lành vào năm 2024. Cái đầu đó rồi sẽ là đầu thứ tám của Hoa Kỳ kể từ thời kỳ cuối cùng vào năm 1989, và nó sẽ là một trong bảy. Cả hai sùng đều là thứ sáu rồi trở thành thứ tám. Sự thật này là một phần lớn của sứ điệp Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ được mở ấn ngay trước khi đóng cửa ân điển.

Vì lý do này, điều quan trọng là cần hiểu rõ lịch sử phong trào Miller vốn mang tính kiểu mẫu cho lịch sử hiện tại của chúng ta. Bà White đã xác nhận việc James White áp dụng La-ô-đi-xê cho phong trào vào năm 1856, nên đây không phải là một sự áp dụng phát xuất từ lý luận của con người. Bảy năm trước khi Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm được liên hệ hợp pháp với sùng cộng hòa, hội thánh ấy đã được mặc khải xác định là Hội Thánh La-ô-đi-xê. Điều này có nghĩa là chưa có một ngày nào trong lịch sử của Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm mà hội thánh ấy từng là điều gì khác hơn trần truồng, nghèo nàn, mù lòa, khốn khổ và thảm hại. Thực tại tiên tri này cung cấp bối cảnh và cơ sở để nhận ra bốn điều gồm ghiếc leo thang trong Ê-xê-chi-ên chương tám như là bốn thế hệ của phong trào Phục Lâm.

Khi tiếp cận lịch sử Millerite từ cấu trúc sáu mươi lăm năm trong Ê-sai đoạn 7, cần nhận ra rằng lời tiên tri về bảy thời kỳ là khung tiên tri bao trùm toàn bộ lịch sử của phong trào Millerite. Năm 1856, sứ điệp gửi cho hội thánh Lao-đi-xê đã trở thành lẽ thật hiện tại đối với phong trào Phục Lâm Millerite. Người trình bày sứ điệp Lao-đi-xê không phải là James hay Ellen White, mà là Đấng làm chứng thành tín và chân thật.

Hãy viết cho thiên sứ của Hội Thánh tại Laodicea: Đây là lời phán của Đấng A-men, Đấng làm chứng thành tín và chân thật, khởi đầu của sự sáng tạo của Đức Chúa Trời: Ta biết các việc của ngươi, rằng ngươi chẳng lạnh cũng chẳng nóng; ước gì ngươi lạnh hoặc nóng! Vậy vì ngươi ấm ấm, chẳng lạnh cũng chẳng nóng, nên Ta sẽ mửa ngươi ra khỏi miệng Ta. Bởi ngươi nói: Ta giàu có, đã nên dư dật và chẳng cần chi hết; mà không biết rằng ngươi khốn khổ, đáng thương, nghèo nàn, đui mù và trần truồng. Ta khuyên ngươi hãy mua nơi Ta vàng đã luyện trong lửa để ngươi được giàu; và áo trắng để ngươi mặc vào, hầu cho sự xấu hổ vì sự trần truồng của ngươi khỏi lộ ra; lại thoa thuốc xức mắt cho mắt ngươi, để ngươi thấy được. Phàm

ai Ta yêu, Ta quở trách và sửa phạt; vậy hãy sốt sắng và ăn năn. Nay, Ta đứng ngoài cửa và gõ; nếu ai nghe tiếng Ta và mở cửa, Ta sẽ vào với người ấy, sẽ dùng bữa với người, và người với Ta. Kẻ nào thắng, Ta sẽ cho ngồi với Ta trên ngai Ta, cũng như Ta đã thắng và đã ngồi với Cha Ta trên ngai của Ngài. Ai có tai, hãy nghe điều Thánh Linh phán cùng các Hội Thánh. Khải Huyền 3:14-22.

Đấng Chứng Nhân Chân Thật phán rằng nếu ai “nghe” tiếng Ngài, Ngài sẽ vào và “dùng bữa với người ấy.” Nếu Laodicê mở cửa, Đấng Christ sẽ vào và dùng bữa với họ. Nếu Đấng Christ được cho phép bước vào, Ngài mang đến một sứ điệp, vì biểu tượng của việc ăn uống tượng trưng cho sự tiếp nhận một sứ điệp. Sứ điệp ấy có thể được khái quát đơn giản là sứ điệp Laodicê, nhưng đó là một cách nhìn hời hợt về ý nghĩa của sứ điệp Ngài ban. Năm 1856, Hiram Edson đã trình bày một loạt tám bài viết chứa đựng thông tin tiên tri mở rộng sự hiểu biết về “lời tiên tri về thời gian” đầu tiên mà các thiên sứ của Đức Chúa Trời đã dẫn dắt William Miller nhận ra và công bố. Trong tám bài viết ấy, Edson đã xác định đúng sáu mươi lăm năm của Ê-sai đoạn bảy.

Khởi đầu công việc của Miller là sự khám phá về bảy thời kỳ, và bảy năm trước khi phong trào mang tên ông kết thúc, một sự mặc khải sâu hơn về chính lời tiên tri ấy đã được ban cho phong trào Cơ Đốc Phục Lâm theo Miller. Nó được ban trong cùng năm họ được sự linh hứng chỉ ra là những người La-ô-đi-xê. Về phương diện tiên tri, hai nghìn năm trăm hai mươi ngày sau, tức năm 1863, khám phá đầu tiên của Miller về thời kỳ tiên tri đã bị bác bỏ. Sứ điệp La-ô-đi-xê dành cho phong trào Cơ Đốc Phục Lâm đã đến vào năm 1856, và Chúa đã gõ cửa tám lần, với tám bài viết, để xem Ngài có thể tìm được lối vào hay không. Vào lúc kết thúc của phong trào, Chứng Nhân Chân Thật ước muốn cùng dùng bữa tối với dân Ngài, lấy chính sứ điệp về thời kỳ đầu tiên từ thuở khởi đầu phong trào làm bữa ăn. Dân Ngài đã từ chối ăn, và bảy năm, hay hai nghìn năm trăm hai mươi ngày tiên tri sau đó, dân Ngài đã đóng cánh cửa từng được mở bằng chìa khóa của Đa-vít, chìa khóa đã được đặt vào tay William Miller. Họ quay về với một vị tiên tri già người Sa-ma-ri, người đã nuôi họ bằng một lời dối trá, ấn định số phận họ là chết giữa con lửa và sư tử.

Năm 1856, sừng Tin Lành ở trong cơn khủng hoảng của thung lũng khải tượng, vì nơi nào không có khải tượng thì dân chúng diệt vong. Năm 1856, sừng Cộng hòa cũng ở trong một cuộc khủng hoảng.

Năm 1856 đánh dấu sự tiếp diễn của cuộc xung đột bạo lực được biết đến với tên gọi Kansas đẫm máu, hay Chiến tranh biên giới Kansas–Missouri. Cuộc tranh đấu xoay quanh việc Kansas sẽ gia nhập Liên bang như một bang tự do hay một bang nô lệ. Xung đột này bao gồm những cuộc đụng độ bạo lực giữa những người định cư ủng hộ chế độ nô lệ và những người chống chế độ nô lệ.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 1856, một vụ việc bạo lực cũng đã xảy ra trong phòng họp Thượng viện Hoa Kỳ, khi Dân biểu Preston Brooks, một người ủng hộ chế độ nô lệ đến từ Nam Carolina, đã tấn công một cách tàn bạo Thượng nghị sĩ Charles Sumner của Massachusetts bằng cây gậy của mình. Trước đó, Sumner đã đọc một bài diễn văn chống chế độ nô lệ mang tiêu đề “Tội ác chống lại Kansas”, điều này đã khiến Brooks vô cùng phẫn nộ. Vụ đánh bằng gậy này đã làm nổi bật sự căng thẳng ngày càng gia tăng giữa miền Bắc và miền Nam về vấn đề chế độ nô lệ.

Năm 1856, Đảng Cộng hòa được thành lập để đáp lại tình trạng hỗn loạn chính trị do Đạo luật Kansas–Nebraska, được thông qua năm 1854, gây ra; đạo luật này đã làm dấy lên sự phản đối ngày càng tăng đối với việc mở rộng chế độ nô lệ sang các lãnh thổ mới. Đại hội toàn quốc đầu tiên của đảng được tổ chức tại Philadelphia, và John C. Fremont được chọn làm ứng cử viên tổng thống đầu tiên của họ trong cuộc bầu cử năm 1856.

Đạo luật Kansas–Nebraska đã tổ chức các lãnh thổ Kansas và Nebraska và cho phép những người định cư tại đó quyết định liệu họ có cho phép chế độ nô lệ trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không. Khái niệm này, được gọi là "chủ quyền nhân dân", trên thực tế đã bãi bỏ Thỏa hiệp Missouri năm 1820, vốn cấm chế độ nô lệ ở phía bắc vĩ tuyến 36°30' trong Lãnh thổ Louisiana. Đạo luật này đã tác động sâu sắc đến vấn đề nô lệ tại các lãnh thổ. Nó thổi bùng lại căng thẳng giữa các vùng miền vì mở ra khả năng chế độ nô lệ có thể mở rộng vào những khu vực trước đây được coi là đất tự do, như Kansas. Việc thông qua Đạo luật Kansas–Nebraska đã dẫn đến làn sóng những người định cư ủng hộ và phản đối nô lệ đổ vào Lãnh thổ Kansas, mỗi bên đều hy vọng tác động đến kết quả cuộc bỏ phiếu theo nguyên tắc chủ quyền nhân dân. Cuộc tranh giành quyền kiểm soát lãnh thổ này đã dẫn đến các cuộc đụng độ bạo lực và một thời kỳ vô pháp được gọi là Kansas đẫm máu vào năm 1856.

Cuộc bầu cử tổng thống năm 1856 là một sự kiện chính trị quan trọng. Cuộc bầu cử này là một cuộc đua tay ba giữa đảng viên Dân chủ James Buchanan, đảng viên Cộng hòa John C. Fremont và cựu Tổng thống Millard Fillmore của Đảng Mỹ. James Buchanan đã thắng cử và trở thành Tổng thống thứ 15 của Hoa Kỳ.

Nhiệm kỳ tổng thống của James Buchanan chủ yếu được biết đến vì đã không thể xử lý hiệu quả những căng thẳng và chia rẽ ngày càng gia tăng giữa miền Bắc và miền Nam, cuối cùng dẫn đến cuộc Nội chiến Hoa Kỳ bùng nổ không lâu sau khi ông rời nhiệm sở. Nhiệm kỳ của ông thường được xem là một trong những nhiệm kỳ tổng thống kém thành công nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, do những thất bại đáng kể trong lãnh đạo và quản lý khủng hoảng.

Phán quyết Dred Scott tai tiếng năm 1857 tuyên bố rằng những người nô lệ, dù bị nô dịch hay tự do, không phải là công dân và không thể khởi kiện tại các tòa án liên bang. Nó cũng tuyên bố rằng Quốc hội không thể ngăn chặn chế độ nô lệ ở các lãnh thổ của Hoa Kỳ. Đảng viên Dân chủ Buchanan công khai tán thành phán quyết Dred Scott ủng hộ chế độ nô lệ.

Không chỉ lập trường ủng hộ chế độ nô lệ của đảng viên Dân chủ Buchanan khiến căng thẳng leo thang thành Nội chiến, mà sự bất lực của ông trong việc quản lý nền kinh tế đất nước còn dẫn đến Khủng hoảng năm 1857, một trong những đợt suy thoái kinh tế lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ trước thời kỳ Đại suy thoái. Khủng hoảng năm 1857 dẫn đến một cuộc suy thoái kinh tế nghiêm trọng kéo dài nhiều năm. Doanh nghiệp và ngân hàng đóng cửa, thất nghiệp gia tăng và thị trường chứng khoán sụt giảm.

Trong nhiệm kỳ tổng thống của Buchanan, các bang miền Nam bắt đầu tiến trình ly khai khỏi Liên bang, và họ tách ra để phản ứng trước việc Abraham Lincoln thuộc Đảng Cộng hòa đắc cử năm 1860. Buchanan đã tiếp cận cuộc khủng hoảng ly khai một cách thụ động, cho rằng chính quyền liên bang không có thẩm quyền dùng vũ lực để ngăn chặn ly khai. Sự thiếu hành động dứt khoát

này đã cho phép phong trào ly khai lấy thêm đà. Việc ông thiếu vai trò lãnh đạo mạnh mẽ và do dự không muốn có hành động quyết liệt để xử lý cuộc khủng hoảng ly khai đã góp phần khiến miền Nam cho rằng họ có thể rời Liên bang mà không vấp phải phản kháng quân sự.

Năm 1860, Abraham Lincoln, vị tổng thống đầu tiên của Đảng Cộng hòa, đã được bầu. Ngày 1 tháng 1 năm 1863, Tổng thống Lincoln đã ký và ban hành bản Tuyên ngôn Giải phóng cuối cùng, tuyên bố rằng tất cả những người bị nô lệ trong các vùng lãnh thổ do Liên minh miền Nam kiểm soát đều sẽ được trả tự do. Mệnh lệnh hành pháp này đã có tác động đáng kể đến Nội chiến Hoa Kỳ, vì nó biến cuộc xung đột thành một cuộc đấu tranh không chỉ để bảo vệ Liên bang mà còn để chấm dứt chế độ nô lệ. Tuyên ngôn Giải phóng không ngay lập tức giải phóng tất cả những người bị nô lệ. Nó áp dụng cụ thể đối với các vùng lãnh thổ do Liên minh miền Nam kiểm soát, nơi Liên bang có quyền lực hạn chế. Khi lực lượng Liên bang tiến lên và giành quyền kiểm soát các vùng lãnh thổ của phe Liên minh miền Nam, tuyên ngôn được thực thi và những người bị nô lệ ở các khu vực đó được trả tự do. Tuyên ngôn Giải phóng là một bước then chốt hướng tới việc cuối cùng bãi bỏ chế độ nô lệ ở Hoa Kỳ và mở đường cho việc thông qua Tu chính án thứ Mười Ba của Hiến pháp Hoa Kỳ, được thông qua và phê chuẩn vào ngày 6 tháng 12 năm 1865.

Sùng Cộng hòa từ thập niên 1850 trở đi đã rơi vào cuộc khủng hoảng xoay quanh vấn đề nô lệ. Trong cả nước có hai sự chia rẽ chủ yếu, được đại diện bởi hai dòng tư tưởng chính trị chủ đạo. Một quá trình phân ly bắt đầu vào năm 1856 khi các nhóm chống và ủng hộ chế độ nô lệ chuyển đến lãnh thổ Kansas nhằm bảo vệ quan điểm của họ về nô lệ, đúng vào thời điểm Philadelphia đang được tách khỏi Laodicea. Đảng Dân chủ ủng hộ chế độ nô lệ và Đảng Cộng hòa phản đối chế độ nô lệ.

Năm 1856, Kansas đẫm máu là bức tranh thu nhỏ của cuộc chiến sắp xảy ra. Trong năm đó, một đảng viên Dân chủ ủng hộ chế độ nô lệ được bầu làm người đứng đầu cái sùng của Đảng Cộng hòa, và sự lãnh đạo kém hiệu quả của ông trở thành biểu tượng cho một nhiệm kỳ tổng thống kém hiệu quả, cho đến tận những ngày gần đây nhất. Ông là người tiền nhiệm của vị tổng thống Cộng hòa đầu tiên, người bị buộc phải dọn dẹp mớ hỗn độn do nhiệm kỳ của Buchanan để lại.

Đến năm 1863, chiếc sùng Cộng hòa đã ban hành sắc lệnh hành pháp quan trọng nhất trong lịch sử của con thú từ đất trong Khải Huyền chương mười ba. Sắc lệnh hành pháp này nhằm giải quyết vấn đề nô lệ. Một đoạn của bản tuyên cáo nêu: "Rằng vào ngày 1 tháng 1 năm 1863, tất cả những người bị giữ làm nô lệ trong bất kỳ bang nào hoặc phần được chỉ định của một bang, nơi mà dân chúng khi ấy đang nổi dậy chống lại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, sẽ khi đó, kể từ đó trở đi, và vĩnh viễn được tự do; và Chính phủ Hành pháp của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, bao gồm cả thẩm quyền quân sự và hải quân của mình, sẽ công nhận và duy trì quyền tự do của những người đó, và sẽ không thực hiện bất kỳ hành vi nào để đàn áp những người đó, hoặc bất kỳ ai trong số họ, trong bất kỳ nỗ lực nào họ có thể tiến hành nhằm đạt được tự do thực sự của mình." Dù việc giải quyết vấn đề nô lệ khi đó về mặt lịch sử vẫn chưa trọn vẹn, tinh thần của Hiến pháp được thể hiện khi Lincoln viết, "tất cả những người bị giữ làm nô lệ trong bất kỳ bang nào ... sẽ khi đó, kể từ đó trở đi, và vĩnh viễn được tự do."

Lincoln đang trở lại với nguyên tắc nền tảng được thể hiện trong Hiến pháp, nguyên tắc khẳng định rằng "tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng." Lincoln đang trở lại với những chân lý nền tảng đúng vào lúc sùng Tin Lành đang khước từ lời tiên tri nền tảng của mình, tức là lời tiên tri về chế độ nô lệ. Vì vậy, chính vào thời điểm sùng Cộng hòa ban hành "sắc lệnh hành pháp" quan trọng nhất trong lịch sử của mình liên quan đến chế độ nô lệ, sùng Tin Lành đã ban hành sắc lệnh hành pháp quan trọng nhất trong lịch sử tiên tri của nó liên quan đến lời tiên tri về chế độ nô lệ, được tượng trưng bởi lời thề và lời nguyện của Môi-se. Sùng Cộng hòa chọn trở về với các nền tảng, còn sùng Tin Lành chọn từ bỏ nền tảng của mình và quay trở lại với những điều mà nó đã được chỉ dạy là không bao giờ được quay trở lại.

Năm 1863, sùng Cộng hòa đã bị chia thành hai phe, như vương quốc Y-sơ-ra-ên cổ xưa bị chia rẽ vào thời Giê-rô-bô-am và Rê-hô-bô-am. Năm 1863, sùng Tin Lành trở nên gắn kết về mặt pháp lý với sùng Cộng hòa, như được tượng trưng bởi hai bàn thờ của Giê-rô-bô-am tại Bê-tên và Đan. Hai sùng này song hành xuyên suốt lịch sử, và lịch sử năm 1863, đặc biệt, tiêu biểu cho lịch sử của những ngày sau rốt.

Lịch sử Millerite được lặp lại trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn ngàn, với một vài lưu ý mang tính tiên tri. Một trong những lưu ý đó là, trong lịch sử Millerite, đối tượng nhắm đến trước hết là những người ở ngoài phong trào, rồi sau đó là chính phong trào. Trong phong trào của một trăm bốn mươi bốn ngàn, hai tiếng nói của Khải Huyền mười tám xác định hai đối tượng nhắm đến, nhưng các đối tượng ấy lại đảo ngược so với lịch sử Millerite. Mục tiêu đầu tiên là dân sự của Đức Chúa Trời, và tiếng nói thứ hai nhắm đến bày chiên khác của Đức Chúa Trời, những người vẫn còn ở trong Ba-by-lôn.

Một lưu ý tiên tri khác là, mặc dù cả hai lịch sử đều chuyển từ hội thánh này sang hội thánh khác, những người theo Miller đã đi từ Philadelphia sang Laodicea, còn phong trào mạnh mẽ của thiên sứ thứ ba thì đi từ Laodicea sang Philadelphia. Điều này cho thấy rằng những người theo Miller đã đi từ hội thánh thứ sáu sang hội thánh thứ bảy, và một trăm bốn mươi bốn ngàn đi từ hội thánh thứ bảy sang hội thánh thứ tám, vốn là một trong bảy.

Chiếc sùng Cộng hòa bắt đầu sự vận động của mình từ một quốc gia ủng hộ chế độ nô lệ sang một quốc gia chống chế độ nô lệ trong giai đoạn lịch sử quanh năm 1863. Cuộc khủng hoảng của giai đoạn lịch sử đó đã thiết lập hai đảng phái chính trị, chính là những kẻ đối đầu trong những "ngày cuối cùng" này. Cũng như vị tổng thống Cộng hòa đầu tiên trong giai đoạn lịch sử đó bị ám sát chỉ vài ngày sau khi chiến tranh kết thúc, vị tổng thống Cộng hòa cuối cùng đã bị ám sát mang tính biểu tượng và bị bỏ mặc ngoài đường như đã chết trong khi thế giới hân hoan. Ông bị ám sát, không phải chỉ vài ngày sau khi Nội chiến kết thúc, mà ngay trước khi cuộc nội chiến cuối cùng bắt đầu.

Trước vị tổng thống Cộng hòa đầu tiên là vị tổng thống kém hiệu quả nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, và trước vị tổng thống Cộng hòa cuối cùng cũng sẽ là một người như thế. Sự kém hiệu quả của vị tổng thống Đảng Dân chủ đi trước vị tổng thống Cộng hòa đầu tiên đã châm ngòi cho cuộc khủng hoảng phát triển thành cuộc nội chiến, và hiện nay sự kém hiệu quả tương tự đang diễn ra. Vị tổng thống Đảng Dân chủ đi trước vị tổng thống Cộng hòa cuối cùng đã điều hành nền kinh tế theo cách dẫn

tới cú sụp đổ kinh tế lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ tính đến thời điểm đó. Hai sừng chạy song song cho đến đạo luật ngày Chủ nhật. Năm 1863, thế hệ thứ nhất của cả hai sừng bắt đầu, và đối với cả hai sừng, thế hệ thứ tư và cuối cùng sẽ quay mặt về hướng đông và cúi lạy mặt trời.

Sứ điệp Ê-li luôn đi kèm với những phán xét của Đức Chúa Trời, xác nhận sứ điệp cảnh báo. Xã hội thế gian hiện đang sống như dân chúng trước trận Đại Hồng Thủy. Họ ăn uống và trông đợi các gã khổng lồ công nghệ theo chủ nghĩa toàn cầu sẽ giải quyết mọi vấn đề có thể nảy sinh. Lời Đức Chúa Trời chỉ ra rằng thế giới hiện đang ở bờ vực của một cuộc khủng hoảng to lớn.

"Đêm đến đâu rồi?' Tôi có nhận ra ý nghĩa của những thông điệp này không? Tôi có hiểu vị trí mà chúng giữ trong công tác kết thúc của chương trình cứu chuộc vĩ đại không? Tôi có quen thuộc với 'lời tiên tri chắc chắn' đến mức có thể thấy trong các biến cố đang diễn ra quanh tôi những bằng chứng rõ ràng rằng Vị Vua sắp đến đã ở ngay trước cửa không? Tôi có cảm nhận trách nhiệm đặt trên tôi, trước ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban, không? Tôi có đang sử dụng mọi tài năng được giao phó cho tôi như người quản gia của Ngài, trong nỗ lực đúng hướng để cứu những kẻ hư mất, hay tôi nguội lạnh và đứng đưng, phân nào lẫn lộn với một thế gian gian ác, dùng các phương tiện và khả năng Đức Chúa Trời đã ban cho tôi phần lớn để tự thỏa mãn, quan tâm đến sự dễ chịu và tiện nghi của riêng mình hơn là sự tiến triển của sự nghiệp của Ngài? Tôi có đang bằng đường lối của mình củng cố 'niềm xác tín đang dần lan rộng trong thế gian rằng những người Cơ Đốc Phục Lâm ngày thứ bảy đang thổi kèn một tiếng không rõ ràng, và đang đi theo nẻo người đời' không?"

Chúng ta nghe tiếng bước chân của Đức Chúa Trời đang đến gần để trừng phạt thế gian vì sự gian ác của họ. Sự tận cùng của thời gian đã gần kề. Cư dân thế gian đang bị bó lại thành từng bó để bị đốt. Người sẽ bị bó chung với cỏ lùng chẳng? Người có nhận ra rằng mỗi năm hàng nghìn và hàng nghìn, và mười lần mười nghìn linh hồn đang hư mất, chết trong tội lỗi của mình chẳng? Những tai vạ và các sự đoán phạt của Đức Chúa Trời đã và đang làm công việc của chúng, và các linh hồn đang đi đến diệt vong vì ánh sáng của lẽ thật chưa chiếu rọi trên nẻo đường của họ. Bản Tin Hằng Ngày của Đại Hội Đồng, ngày 1 tháng 4, 1897.

Với linh hồn mình, tôi đã khao khát Ngài trong đêm; vâng, với tâm linh ở trong tôi, tôi sẽ tìm kiếm Ngài từ sớm mai; vì khi các phán xét của Ngài ở trên đất, cư dân thế gian sẽ học sự công chính. Ê-sai 26:9.